

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **351/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Bình Thủy**

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm XXXX. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau.

2. **Bị đơn:** Anh **Huỳnh Thanh H**, sinh năm XXXX. (*vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 24/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh H đăng ký kết hôn năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chị chung sống với nhau được 05 năm, quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống hôn nhân nên anh H đã bỏ nhà đi cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 01 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Bích T, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị

yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Thanh H vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K, chị K được ly hôn với anh Huỳnh Thanh H. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị K, giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Bích T, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:

Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh H, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung sau khi ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn anh Huỳnh Thanh H cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện G thụ lý yêu cầu giải quyết về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị K:

Chị K và anh H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 10/3/1008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống hôn nhân, anh H đã bỏ nhà đi sau 05 năm chung sống và hiện anh

chị đã bỏ mặc nhau, không trao đổi hàn gắn tình cảm. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị K, điều này cho thấy anh không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này.

Từ những nêu trên, cho thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, cho chị K được ly hôn với anh H.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 01 người con chung tên Huỳnh Nguyễn Bích T, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện cháu T đang sống cùng chị K và có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng mẹ, phía anh H cũng không có ý kiến phản đối. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị K yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí, tuy nhiên chị thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K, cho chị K được ly hôn với anh Huỳnh Thanh H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Bích T, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị K được miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm do thuộc diện hộ cận nghèo.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên